

Suy ngẫm

VỀ "VĂN HÓA BIỂN" Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN DUY THIỆU*

Văn hóa nói ở đây là văn hóa theo nghĩa của Nhân học văn hóa, tức là lối sống của các cộng đồng cư dân được hình thành trong cả một quá trình lâu dài mà từng cộng đồng người cụ thể ấy đã "ứng xử" với một loại cảnh quan cụ thể nào đó để sinh tồn, bao gồm từ phương thức kiếm sống đến các lĩnh vực như ăn, mặc, ở, cách thức tổ chức xã hội, quan niệm và cách thức thực hành trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo... Còn nói về "văn hóa biển" là nói về lối sống của cộng đồng cư dân dọc theo ven biển, khai thác (và tham gia khai thác) các nguồn lợi thủy sinh ở sông, biển nói chung để sinh tồn.

Bờ biển Việt Nam dài 3.260 km. Dọc theo bờ biển lại có nhiều vũng, vịnh, là địa bàn thuận lợi để ngư dân sinh sống. Ngoài biển, Việt Nam còn là đất nước có nhiều sông ngòi. Theo số liệu thống kê, trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam có 2.360 con sông, trong đó có 106 con sông lớn. Quá trình kiến tạo đã dẫn tới sự hình thành một số vùng cửa sông hình phễu. Ở đáy mạng sông ngòi chằng chịt, các nhà nghiên cứu gọi là *vùng lưỡng thể*, tức là vùng nửa đất, nửa nước. Điển hình cho loại cảnh quan này tập trung ở cửa của hai dòng sông lớn: Sông Hồng và sông Cửu Long. Sông và các cửa sông là

vùng môi trường có nhiều nguồn lợi thủy sản và điều kiện thiên nhiên ở đây không mấy khắc nghiệt, cho nên đã từ lâu nông dân Việt Nam đã tiếp cận để khai thác các nguồn lợi ở vùng này. Tại một số cửa sông, nhất là ở vùng ven biển Bắc miền Trung, do các bồi lấp ở phía ngoài đã tạo thành những bãi, hoặc đầm phá lớn, trong đó rộng nhất là phá Tam Giang - Cầu Hai ở Thừa Thiên - Huế, rộng tới 22.000 ha, đã từng là địa bàn thuận lợi cho hơn 10 vạn dân thủy cư sinh sống.

Ngoài vùng cửa sông, đầm phá và vũng, vịnh... còn lùi sâu vào trong đất liền, thậm chí lên đến thượng nguồn của các dòng sông. Ở Việt Nam, nhất là miền Bắc Việt Nam còn có rất nhiều hồ. Chỉ tính riêng vùng đồng bằng sông Hồng đã có tới 8.668 ha, chiếm 25% diện tích mặt hồ của cả nước. Đây cũng là vùng môi trường quan trọng cho nhiều loài thủy sản sinh sống và cũng đã từ lâu, nông dân Việt Nam đã khai thác chúng để phục vụ cho các nhu cầu của cuộc sống.

Có thể nói, đã từ rất lâu đời, người Việt cổ đã khai thác các nguồn lợi dung chứa trong lòng sông, biển để sinh tồn. Các nhà khảo cổ học đã từng dày công nghiên cứu các di chỉ "văn hóa biển" dọc theo ven biển Việt Nam - như các văn hóa vùng biển Đông Bắc (phía Tây vịnh Bắc Bộ); văn hóa Hoa

* VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

Lộc; văn hóa Quỳnh Văn; văn hóa Thạch Lạc; văn hóa Bàu Tró; văn hóa Bàu Dũ; văn hóa Sa Huỳnh...

Đương nhiên, còn có "những vấn đề" trong việc tìm kiếm "chứng cứ tiếp nối" của văn hóa biển từ thời tiền sử tới thời sơ sử. Bước vào thời kỳ cổ trung đại, các nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam thường băn khoăn đặt ra những câu hỏi: Tại sao có một bờ biển dài như vậy mà người Việt lại không tiến ra biển, mà chỉ bám lấy đồng bằng, nhìn lên núi và quay lưng lại với biển cả? Tại sao yếu tố văn hóa biển lại đậm đặc ở miền Trung mà lại mờ nhạt tại Bắc Bộ và Nam Bộ? Tại sao tục thờ cá Ông của ngư dân chỉ đậm từ miền Trung trở vào?...

Có hàng tá lý do được viện dẫn để lý giải cho các vấn đề vừa nêu. Một trong các nguyên nhân "người Việt quay lưng lại với biển" được diễn giải đại khái vì lý do của lịch sử: Người Việt ngại biển bởi rất nhiều cuộc xâm lược của nước ngoài đối với Việt Nam đều đến từ hướng biển cả. Lý do "văn hóa biển" mờ nhạt trong người Việt tại Bắc Bộ lại đậm đặc trong người Việt ở khu vực miền Trung, nhất là tại Nam Trung Bộ, được giải thích là do ở Trung Bộ người Việt được tiếp xúc với người Chăm - vốn là một cư dân có truyền thống văn hóa biển. Thậm chí hiện tượng thờ cá Ông (Ông Voi) của ngư dân Việt cũng được lý giải là do người Việt tiếp xúc với văn hóa của người Chăm...

Không thể nói các cách nhìn nhận trên đây là thiếu căn cứ: Mặc dù cha ông ta đã từng có những chiến thắng vang dội tại các trận thủy chiến oanh liệt ở Bạch Đằng giang, ở Vân Đồn,... nhưng nhìn chung, suốt trong chiều dài lịch sử của đất nước, "phía biển", vẫn là phía rất khó phòng thủ, không ít lần kẻ thù đã sử dụng con đường này để xâm lược nước ta. Hơn thế, trong truyền thống, do nghề hàng hải không phát triển, thuyền bè, kỹ thuật đi biển kém, không đương đầu được với sự dữ dằn của biển cả, nên ít thấy dấu ấn của các đội thương thuyền lớn tham gia đường hành thương quốc tế trên biển.

Nguyên nhân truyền thống biển của người Việt mờ nhạt ở đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ, được giải thích là do người Việt

vốn là cư dân nông nghiệp, khi tiếp xúc với biển họ "ưu tiên" khuynh hướng quay về đất liền để làm nông nghiệp và cố tình kéo dài "văn hóa đồng bằng" ra ngoài biển cả. Quả vậy, cha ông ta đã từng trồng sù vẹt ngăn biển tiến, quay về đất liền, khai hoang, thau chua rửa mặn... tạo nên những cánh đồng bát ngát, những xóm làng trù phú dọc theo ven biển. Và cách ngày nay chưa bao xa, người Việt tại Bắc Bộ còn chưa biết ăn cá biển, khi kho cá họ cho nhiều loại gia vị nhằm tạo ra hương vị cá biển giống với cá đồng.

Khác với khu vực Bắc Bộ và Nam Bộ, khi người Việt tại Trung Bộ - nhất là Nam Trung Bộ, khi tiếp xúc với biển, đã tiến thẳng ra ngoài biển cả, sắm thuyền đan lưới đánh bắt cá biển để sinh tồn, tạo nên một vùng "văn hóa biển" đậm đặc. Nguyên nhân của tình trạng trên đây được các nhà nghiên cứu lý giải: Do tại khu vực này người Việt được tiếp xúc với truyền thống "văn hóa biển" của người Chăm. Quả thật, trong truyền thống người Chăm được biết đến như là một cộng đồng cư dân có kỹ thuật đi biển tốt, với các đội thương thuyền đã từng tham gia hoạt động "hành thương" trên biển. Ngay vị thần cá Ông - mà ngày nay ngư dân Việt từ miền Trung trở vào coi như là một vị thần chính để thờ phụng - chẳng hạn, vốn là một vị thần quan trọng trong hệ thống các vị hiền thần của người Chăm...

Còn nhiều cách nhìn nhận và nhiều tư liệu khác đã từng được viện dẫn nhằm lý giải các nguyên nhân làm cho "tính chất biển" mờ nhạt trong văn hóa truyền thống của người Việt. Đương nhiên, có thể nói, với những tư liệu nghiên cứu về "văn hóa biển" của người Việt mới được thu thập trong thời gian gần đây, đã xuất hiện những cách nhìn mới mẻ hơn về vấn đề này.

Thứ nhất, là vấn đề tại sao người Việt ra biển muộn? Dưới cách nhìn của Nhân học văn hóa, có thể nói biển là một môi trường dung chứa nhiều nguồn lợi mà con người có thể khai thác để sinh tồn. Nhưng đối với các cư dân thời kỳ tiền công nghiệp, thì môi trường biển cả thực là dữ dằn. Với các điều kiện kỹ thuật hỗ trợ yếu kém, con người chỉ có thể khai thác được các nguồn lợi tại các khu vực gần bờ. Muốn đánh cá ngoài biển

khởi, hoặc xa hơn, là tham gia vào các luồng hành thương trên biển, thì trước hết con người phải làm chủ được kỹ thuật đóng thuyền và kỹ thuật đi biển. Chỉ những nước buộc phải đối mặt với các thách thức trong đời sống thường nhật, như Trung Hoa - phải vượt sông Hoàng Hà rộng lớn - chẳng hạn, thì kỹ thuật đóng thuyền buồm mới phát triển. Nhờ đó mà, trước những thập niên cuối của thế kỷ XV, lúc mà nhà thám hiểm đại dương người Bồ Đào Nha - Vasco De Gama đi vòng quanh mũi Hảo Vọng ở Nam Phi, thì Trịnh Hòa (người Trung Hoa) đã gióng buồm rong ruổi khắp vùng Ấn Độ Dương và Đông Nam Á, với những hải thuyền đồ sộ. Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ không phải chịu sức ép vượt sông lớn như người Trung Hoa.

Ra biển để đánh bắt cá lại là câu chuyện khác. Xưa kia thị trường chưa có, người dân chỉ đánh bắt cá để ăn, mà đồng bằng Bắc Bộ là "những ô trũng kế tiếp nhau" quanh năm ngập nước, thiếu gì cá nước ngọt. Bởi điều kiện tự nhiên như vậy, nên "mãi cho tới thời gian gần đây mà người Việt ở Bắc Bộ vẫn không quen với tập quán ăn cá biển" - như một đôi nhà nghiên cứu văn hóa nhận xét, vốn là chuyện thường tình:

Ngay như vùng biển Nam Bộ, lắm tôm nhiều cá là vậy, mà nghề đánh cá biển cũng chẳng phát triển. Cho mãi tới thời gian gần đây, mới xuất hiện một số chủ thuyền, họ thuê thợ thuyền, chủ yếu là người miền Trung vào, để đánh cá biển. Nếu không có thị trường, người dân chỉ đánh cá để ăn, thì ở vùng Nam Bộ sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, xưa kia, vào đầu mùa nước rút, dân địa phương - như cách nói trong dân gian - phải "rẽ cá ra để lấy nước", thì người dân ra biển đánh cá để mà làm gì.

Nhưng ở Trung Bộ - nhất là cực Nam Trung Bộ, thì lại khác. Do kiến tạo, các luồng hải lưu trên biển đã dẫn dắt các luồng cá lớn vào sát bờ, hơn thế, tại miền đất này, núi ăn xuống sát biển, đất nông nghiệp cằn cỗi và chật hẹp, sông ngòi ngắn, nước chảy xiết, ít ao hồ, rất ít cá nước ngọt, nên khi thiên di tới vùng đất này, người Việt đã có cách thức lựa chọn thật tối ưu: Sắm thuyền lưới, vươn ra ngoài biển đánh bắt cá để sinh

tồn. Nếu cho rằng sở dĩ người Việt đưa ra lựa chọn này là do họ tiếp thu được truyền thống biển của người Chăm thì đó cũng chỉ là một giả thiết - mà giả thiết này chỉ cũng mới nêu ra vậy thôi chứ chưa có tư liệu gì để minh chứng. Thật là lý thú khi mà tư liệu khảo sát trên thực địa đã cho thấy, ngày nay, trong cộng đồng cư dân Chăm sinh sống tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, chỉ có một làng làm nghề đánh cá ngoài biển, mà cũng không mấy phát triển.

Cũng trong tinh thần cho rằng, sở dĩ "văn hóa biển" của người Việt ở miền Trung đậm đặc hơn người Việt ở miền Bắc, là do ở miền Trung người Việt thừa kế được truyền thống văn hóa biển của người Chăm, ví dụ họ thường lập luận rằng người Việt ở Bắc Bộ không có tục thờ cá Ông. Quả thực, dọc theo ven biển từ Thanh Hóa trở ra, các nhà nghiên cứu chưa bắt gặp tập tục thờ cá Ông và cũng chưa ai chỉ ra được tại địa phương nào trong khu vực ấy có đền thờ cá Ông như ở miền Trung¹.

Nhưng tình trạng như vừa nêu chẳng thể nói lên được điều gì. Ai cũng biết rằng, vùng biển thuộc vịnh Bắc Bộ được bao kín bởi một hệ thống các đảo tự nhiên mọc lên như thành quách thiên tạo, loài cá lớn như cá Ông Voi khó có thể vào được gần bờ. Trên dặm đường diển dã, chúng tôi chưa từng gặp được bất kỳ vị ngư lão nào, ở vùng này, cho biết trong cuộc đời đánh cá trên biển của mình, họ đã từng nhìn thấy cá Ông Voi. Ngoài biển không có cá Ông Voi thì làm sao để hình thành tín ngưỡng về chúng?...

Có thể nói, sở dĩ cách nhìn nhận về truyền thống "văn hóa biển" của người Việt cho tới nay còn có những vấn đề cần phải tiếp tục làm sáng tỏ là do chúng ta còn thiếu hiểu biết về đời sống của ngư dân. Có một điều lạ! Không hiểu tại sao, cộng đồng nông dân ở đồng bằng và khu vực miền núi thu hút mạnh mẽ sự gia công nghiên cứu của các nhà khoa học, mà cộng đồng ngư dân trong bối cảnh "kinh tế biển" có một vai trò to lớn trong đời sống quốc dân như hiện nay lại ít thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học.

Hệ quả tất yếu của sự thiếu tập trung nghiên cứu về ngư dân làm cho chúng ta

hiểu biết chưa đầy đủ về "văn hóa biển" của người Việt. Nhiều vấn đề khoa học lý thú như: Quá trình hình thành cộng đồng ngư dân, đời sống vật chất, đời sống xã hội và đời sống tinh thần... của một bộ phận lớn người Việt sinh sống ở vùng biển và ven biển, cũng như các công trình văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị trong ngư dân ít được quan tâm.

Trong khi mọi người đều thấy, trong thời gian gần đây, mọi quốc gia, mọi vùng lãnh thổ gắn với biển - ví dụ như Xingapore, Hồng Kông, Thẩm Quyến,... đều đã đạt được những bước phát triển thần kỳ, thì ở Việt Nam dường như "tính nông nghiệp" vẫn còn ngự trị ngay trong cách nhìn của không chỉ các nhà quản lý, các nhà quy hoạch, mà

còn ngự trị ngay cả trong các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu văn hóa./

N.D.T

1 - Lờì Ban Biên tập: Theo tư liệu về sự tích các vị thần ở đình thì trên đất châu thổ sông Hồng đã có nhiều nơi thờ Nam Hải Đại vương (đình Hữu Bằng - Thạch Thất là một điển hình với thành hoàng làng là Tam vị Nam Hải Đại vương, tức cá Voi được thần hóa). Mặt khác, một vị thần biển là Độc Cước từ lâu đã vào sâu trong vùng châu thổ Bắc Bộ. Đối với tục thờ cá Ông, ở làng Ông Nam Hải (thôn Hải Chũ, phường Đông Hải, thị xã Phan Rang, Ninh Thuận) thì cá Ông lại hiện thân dưới hai hình thức: Cá Voi và cá Heo (xem thêm Võ Hoàng: "Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Ninh Thuận", *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập II, Cục Di sản văn hóa xuất bản, 2005).



Trưng bày tại Trung tâm văn hóa nổi Cửa Vạn, Vịnh Hạ Long - Ảnh: M.A

SUMMARY: THE VIETNAMESE "MARINE CULTURE" IN CONTEMPLATION (DR. NGUYỄN DUY THIỆU)

From the perspective of "marine culture" as a lifestyle of communities residing along the coast and the exploitation (and participatory exploitation) of aquacultures in river and the sea for survival, the article introduces to an overview on "marine culture" in Vietnam, which has a particular trait: owed to sea bed and its currents, "marine cultures" are various in different regions (strong in the Central and South, less strong in the North).